TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **63/2025/HNGĐ-PT**
Ngày: **28 – 11 – 2025**
V/v: *"Tranh chấp Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Lan Hương**
Các Thẩm phán: Bà **Thái Thị Thanh Bình**
Bà **Trần Thị Mỹ Hạnh**

Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Hòa** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà **Đặng Hoàng Oanh** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 104/2025/TLPT-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2025 về việc: *"Tranh chấp Ly hôn"*.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 138/2025/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 59/2025/QĐ-PT ngày 12 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thúy N**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: A, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường B, tỉnh Đồng Nai).

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Ngọc M**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số A, khu tập thể G, khu phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là khu phố V, phường T, tỉnh Đồng Nai).

Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Ngọc M.

(Bà N có đơn xin xét xử vắng mặt; ông M có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nội dung chính của vụ án:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Ngọc M tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 83/2017 cấp ngày 31/5/2017. Trong quá trình chung sống, giữa bà và ông M phát sinh mâu thuẫn do ông M không chăm lo cho gia đình. Vào khoảng tháng 02/2024, ông M yêu cầu bà đưa tiền cho ông M đi nhậu, do không có tiền để đưa cho ông M nên ông M xảy ra xô xát với bà. Sau đó, ông M về bên nhà ba mẹ của M tại khu tập thể Ga B, khu phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là khu phố V, phường T, tỉnh Đồng Nai) sinh sống nên vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông M.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Thúy N tự nguyện ký kết hôn và đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 83/2017 cấp ngày 31/5/2017, là hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, ông và bà N chung sống với nhau tại địa chỉ A, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường B, tỉnh Đồng Nai). Vào tháng 02/2024, ông và bà N có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông không có công việc, không đi làm, gia đình bên vợ không tôn trọng vì vậy ông đã về bên nhà cha mẹ ông sinh sống. Từ đó đến nay hai vợ chồng sống ly thân, ông cũng không có biện pháp để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ.

Nay ông nhận thấy vẫn còn tình cảm với bà N nên ông không đồng ý ly hôn, ông đề nghị Tòa án cho ông thời gian để có biện pháp hàn gắn với bà N.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 138/2025/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 5 năm 2025, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai) đã căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 54,

Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thúy N về việc tranh chấp ly hôn đối với ông Nguyễn Ngọc M.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thúy N được ly hôn ông Nguyễn Ngọc M.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

3. Kháng cáo của bị đơn:

Ngày 11 tháng 6 năm 2025, bị đơn ông Nguyễn Ngọc M kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 138/2025/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 5 năm 2025, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai) theo hướng: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

4. Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa đảm bảo đúng thủ tục, quyền, nghĩa vụ theo quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Theo các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện mâu thuẫn giữa bà N và ông M là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, cho bà N được ly hôn với ông M là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu nên cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết.

Ông M kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, cũng không đưa ra được biện pháp nào để

ông và bà N hàn gắn tình cảm nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc Minh L trong hạn luật định, đương sự đã đóng tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định nên kháng cáo được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án và kháng cáo của bị đơn ông M:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông M và bà N đều thừa nhận trong quá trình chung sống, giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ tháng 02/2024, sau đó ông M về nhà cha mẹ sinh sống dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay mỗi người một nơi, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà N và ông M đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà N, cho bà N được ly hôn với ông M là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Ông M kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm, tạo điều kiện cho vợ chồng ông được hòa giải, đoàn tụ; hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, cấp sơ thẩm đã nhiều lần tiến hành hòa giải nhưng bà N vẫn kiên quyết xin ly hôn với ông M; tại phiên tòa phúc thẩm, chính ông M cũng không đưa ra được phương án nào để hàn gắn gia đình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét chấp nhận kháng cáo của ông M, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Về con chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Do các bên đương sự không kháng cáo phần này nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thúy N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp tại Biên lai thu số 0004933 ngày 29/11/2024 của Chi Cục

Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Đồng Nai). Bà N đã nộp xong.

Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Ngọc M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông M đã nộp tại Biên lai thu số 0007651 ngày 09/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Ông M đã nộp xong.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ và phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Ngọc M; Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 138/2025/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai).

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 266, Điều 271, Điều 273; Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy N về việc tranh chấp ly hôn đối với bị đơn ông Nguyễn Ngọc M.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thúy N được ly hôn ông Nguyễn Ngọc M.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thúy N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp tại Biên lai thu số 0004933 ngày 29/11/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Đồng Nai). Bà N đã nộp xong.

Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Ngọc M phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông M đã nộp tại Biên lai thu số 0007651 ngày 09/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Ông M đã nộp xong.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND khu vực 1 – Đồng Nai;
- Phòng THADS KV 1 – Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- UBND P. Trấn Biên, tỉnh Đồng Nai;
- Các Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Bùi Lan Hương